|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI**Số: /2025/QĐ-UBNDDỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Đồng Nai, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành** **Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương**

**ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

 *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về s****ửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;***

*Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025;*

 *Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

 *Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

 *Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn;*

*Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;*

*Căn cứ Quyết định số*[*167/2008/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-167-2008-qd-ttg-chinh-sach-ho-tro-ho-ngheo-ve-nha-o-82675.aspx)*ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và Quyết định số*[*33/2015/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-167-2008-qd-ttg-chinh-sach-ho-tro-ho-ngheo-ve-nha-o-82675.aspx)*ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số*[*167/2008/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-167-2008-qd-ttg-chinh-sach-ho-tro-ho-ngheo-ve-nha-o-82675.aspx) *giai đoạn 2);*

*Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma tuý, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 08 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

 *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số ……/TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

d) Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

e) Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi Điều 9 của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác ban hành kèm theo quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh và các Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế khác (nếu có).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Công an tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản); - Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT, KTNS. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Võ Tấn Đức** |